

Số: 8274/BC-TTCH

Đồng Nai, ngày 04 tháng 10 năm 2021

BÁO CÁO NHANH
Công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
Đến 22h00 ngày 03/10/2021

I. Tình hình dịch bệnh

1. Số ca mắc:

		Trong ngày	Tăng/giảm	Lũy kế
Số ca mắc		701	Giảm (14,1%)	51.407
Đang điều trị (16.957)	<i>Tầng 3</i>	07	Giảm (12,5%)	152
	<i>Tầng 2</i>	483	Tăng (116,6%)	5.303
	<i>Tầng 1</i>	625	Tăng (74,6%)	6.263
	<i>Khác</i>			5.239
Khỏi bệnh*		585	Giảm (47,0%)	33.983
Tử vong*		01	Giảm (85,7%)	467

*Số khỏi bệnh, tử vong báo cáo theo danh sách cấp giấy ra viện và bệnh án tử vong trong ngày.

2. Tình hình xét nghiệm:

	Trong ngày	Tăng/giảm	Lũy kế
Số xét nghiệm thực hiện	26.949	Tăng (40,8%)	3.050.026
Dương tính	2.542 (701 ca mới, 1.841 theo dõi điều trị)	Tăng (12,0%)	117.796
Âm tính	24.129	Tăng (45,8%)	2.912.720

- 06 cơ sở xét nghiệm khẳng định trên địa bàn tỉnh: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh, BVĐK Đồng Nai, BVĐK Thống Nhất, BV Quốc tế Đồng Nai, BVĐKKV Long Khánh, PKĐK An Phúc Sài Gòn.

- 04 phòng xét nghiệm được phép thực hiện xét nghiệm sàng lọc vi rút SARS-CoV-2 bằng kỹ thuật Realtime RT-PCR: BV Nhi đồng Đồng Nai, PKĐK Quốc tế Stry Mỹ, PKĐK Dân Y Biên Hòa, PKĐK Ái Nghĩa Nhơn Trạch..

- Trong ngày có 2.542/26.949 mẫu xét nghiệm dương tính với SARS-CoV-2, chiếm tỉ lệ 9,4%.

3. Tình hình cách ly, theo dõi sức khỏe:

	Trong ngày	Đang theo dõi	Kết thúc	Lũy kế
Cách ly tập trung	292	9.253	24.463	33.716
Cách ly tại nhà	127	13.005	55.599	68.604
Theo dõi sức khỏe	137	6.304	21.766	28.070

Trong ngày: 228 F1 (cộng dồn 22.421), 24 F2 (cộng dồn 31.956)

4. Tình hình lao động nước ngoài nhập cảnh cách ly trên địa bàn tỉnh:

- Cộng dồn: 1.700 trường hợp
- Đang thực hiện cách ly: 27 trường hợp
- Đã hoàn thành cách ly: 1.673 trường hợp

Trong đó: ghi nhận 03 trường hợp dương tính với SARS-CoV-2 (quốc tịch Ấn Độ) được cách ly ngay sau khi nhập cảnh; 34 trường hợp nhập cảnh trái phép (quốc tịch Trung Quốc).

5. Tình hình phòng, chống dịch tại các doanh nghiệp trong KCN

- Ca F0 trong ngày: 02 ca, lũy kế 2.168 ca F0/154.699 tổng số LĐ Doanh nghiệp thực hiện 3T (có 01 ca của doanh nghiệp vùng xanh đi về hàng ngày)
- DN có F0 trong ngày: 02 DN; Lũy kế DN 3T có F0: 76/1.176 tổng số DN thực hiện 3T. Chi tiết Doanh nghiệp có ca nhiễm như sau:

+ Chi nhánh Cty TNHH International B2B Solution - KCN Nhơn Trạch I: 01 ca F0. Công ty thực hiện 3T từ ngày 22/7/2021; Công ty test 100% lần đầu và định kỳ theo quy định, ngày 30/9/2021 Công ty test định kỳ phát hiện có 01 ca nghi nhiễm, ngày 04/10 có kết quả PCR dương tính. Công ty cho biết người này ít tiếp xúc bên ngoài chỉ duy nhất một lần nhận hàng; Công ty đề nghị đơn vị nhận hàng test và báo cáo lại Công ty.

+ Cty TNHH Fashion Garment 2 – KCN Tân Phú: 01 ca F0. Công ty ở Tân Phú thuộc vùng xanh đang thực hiện Phương án đi về hàng. Người này bị F0 do bị lây từ người trong gia đình

- Điều trị khỏi: 1.563/2.168 ca F0 của doanh nghiệp thực hiện 3T, chiếm 72,09%
- Đang điều trị: 605 ca, chiếm 27,91%.

II. Các hoạt động đã triển khai thực hiện

1. Thu dung, điều trị:

a) Ca bệnh ghi nhận trên địa bàn tỉnh

- Ca mắc tại cộng đồng: 51.379 ca
- Ca mắc cách ly ngay sau khi nhập cảnh: 28 ca

b) Tình hình điều trị trên địa bàn tỉnh

- Trong ngày, 585 bệnh nhân được xác nhận điều trị khỏi, xuất viện, bàn giao về địa phương tiếp tục theo dõi sức khỏe theo quy định; 01 ca bệnh tử vong do COVID-19.

- 129 ca là phụ nữ đang mang thai, 3.064 ca dưới 18 tuổi, 420 ca trên 65 tuổi và có bệnh lý nền.

- 36 ca bệnh diễn tiến nguy kịch (suy hô hấp cấp tiến triển (ARDS), suy đa tạng, sốc nhiễm trùng,...);

+ 35 ca thở máy xâm lấn

+ 01 ECMO

- 332 ca bệnh có diễn tiến nặng (viêm phổi nặng);

- 3.441 ca có triệu chứng nhẹ-trung bình, 7.663 ca không triệu chứng.

c) Phân tầng điều trị

- Số giường cách ly theo dõi F0 không triệu chứng do các huyện/TP quản lý (Tầng 1): 14.690 giường (trồng 6.052 giường).

- Số giường Bệnh viện dã chiến (Tầng 2): 8.964 giường (trồng 3.829 giường)

- Số giường Hồi sức tích cực (Tầng 3): 410 giường (trồng 249 giường)

(Chi tiết tại Phụ lục đính kèm)

2. Hoạt động cách ly theo dõi, giám sát đối tượng:

- Chuyển các ca dương tính có triệu chứng mới ghi nhận trong ngày về các Bệnh viện dã chiến điều trị; tiếp tục điều tra, truy vết các trường hợp liên quan để đưa vào diện cách ly, lấy mẫu, quản lý theo quy định;

- Các ca dương tính không triệu chứng, nguy cơ thấp được quản lý theo dõi tại các khu cách ly theo dõi y tế F0 của các huyện, thành phố;

- 701 ca bệnh mới ghi nhận trên địa bàn tỉnh có 03 ca sàng lọc trong cộng đồng, 186 ca trong khu phong tỏa và 512 ca trong khu cách ly. Trong đó:

+ 03 ca trong cộng đồng: Biên Hòa (01), Vĩnh Cửu (01), Trảng Bom (01). Cụ thể:

- 01 ca ngụ tại tổ 1, khu phố 1, phường Bửu Long, Biên Hòa. Bệnh nhân làm nghề buôn bán rau lịch tình di chuyển phức tạp. Ngày 02/10 bệnh nhân tự đi thực hiện test nhanh có kết quả dương tính với SARS-CoV-2. Qua điều tra dịch tễ hiện đã ghi nhận thêm 04 trường hợp test nhanh dương tính liên quan. Chưa rõ nguồn lây.
- 01 ca ngụ tại ấp Quảng Phá, xã Quảng Tiến, Trảng Bom. Đang điều tra dịch tễ
- 01 ca ngụ tại ấp 6, xã Vĩnh Tân, Vĩnh Cửu. Bệnh nhân tự đi khám, test nhanh dương tính với SARS-CoV-2 tại phòng khám Y Đức Trị An. Đang điều tra dịch tễ.

+ 186 ca trong khu phong tỏa: Ghi nhận nhiều nhất tại Tân Hòa (52) – Biên Hòa; Hiệp Phước (21) – Nhơn Trạch; Sông Trầu (38), TT Trảng Bom (24), Hồ Nai 3 (17) – Trảng Bom.

- Hiện còn 59 trường hợp test nhanh đang chờ kết quả khẳng định bằng phương pháp Realtime RT-PCR tại Trảng Bom (05), Cẩm Mỹ (01); các phòng xét nghiệm ghi nhận 278 mẫu nghi ngờ, gộp dương chờ kết quả khẳng định.

- Điều tra, truy vết và chuyển cách ly tập trung các đối tượng nguy cơ, trong đó: Biên Hòa 169 (45 trường hợp test nhanh dương tính), Nhơn Trạch 86, Trảng Bom 17, Xuân Lộc 17 trường hợp về từ vùng dịch, Cẩm Mỹ 01.

- Ban chỉ đạo phòng chống dịch COVID-19 tỉnh ban hành quyết định phê duyệt danh sách đối tượng hoàn thành cách ly, bàn giao những trường hợp đã thực hiện đủ thời gian cách ly 14 ngày và có kết quả xét nghiệm tối thiểu 03 lần âm tính với SARS-CoV-2 tại các cơ sở cách ly tập trung trên địa bàn tỉnh về địa phương tiếp tục theo dõi sức khỏe.

3. Hoạt động kiểm dịch y tế:

- Kiểm dịch cảng trong ngày: trong ngày không ghi nhận tàu nhập cảnh

- Cộng dồn: 1.149 tàu, 21.486 người

(Đã ghi nhận: 03 trường hợp thuyền viên quốc tịch Philippin dương tính)

4. Hoạt động tiêm chủng vắc xin ngừa COVID-19:

Cơ bản hoàn thành tiêm chủng Đợt 1-8, đang triển khai Đợt 9, 10, 11

- **Tổng số tiêm trong ngày: 32.452 liều.**

Trong đó: Mũi 1: 30.484 người; Mũi 2: 1.968 người.

- Tiến độ theo Kế hoạch: Đợt 9 đạt 4,95%, đợt 10 đạt 60,52%, đợt 11 đạt 73.64%.

- Số liều vắc xin còn lại: 930.419 liều.

Đến hiện tại, trên địa bàn tỉnh đã thực hiện tiêm **2.142.672 liều** vắc xin COVID-19 cho **1.942.286 người** (chiếm tỉ lệ **86,17%** đối tượng trên 18 tuổi toàn tỉnh), trong đó có **200.386 người** đã tiêm đủ liều (chiếm tỉ lệ **8,89%**).

5. Các hoạt động khác:

- Duy trì hệ thống giám sát bệnh truyền nhiễm trên địa bàn tỉnh;

- Triển khai thực hiện Kế hoạch số 11805/KH-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2021 về việc Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác phòng, chống dịch COVID-19;

- UBND tỉnh ban hành Công văn số 11959/UBND-KGVX ngày 30/9/2021 về việc tiếp tục thực hiện các biện pháp để từng bước phục hồi hoạt động KTXH đảm bảo công tác phòng, chống dịch trong tình hình mới;

- Triển khai Kế hoạch số 11102/KH-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2021 về việc Từng bước phục hồi các hoạt động kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng, đảm bảo công tác phòng, chống dịch COVID-19 tại tỉnh Đồng Nai trong tình hình mới **bắt đầu lúc 0h00 ngày 20/9/2021;**

- Ngành công an chủ trì, phối hợp ngành y tế và các ban ngành liên quan thực hiện Kế hoạch số 5990/PA-UBND ngày 01/6/2021 và Quyết định số 1861/QĐ-UBND ngày 01/6/2021 về việc triển khai lực lượng kiểm soát, phòng, chống dịch bệnh COVID-19 từ các tỉnh, thành phố khác đến địa bàn tỉnh Đồng Nai, bao gồm: 10 chốt kiểm soát cấp tỉnh (bao gồm 08 chốt đường bộ và 02 chốt đường thủy) và 12 chốt kiểm soát cấp huyện, Thực hiện khai báo y tế, kiểm tra thân nhiệt và đeo khẩu trang đối với 100% người và phương tiện, Đồng thời triển khai thực hiện Công văn số 1294/CAT-PA03 ngày 01/5/2021 về việc tăng cường kiểm tra, xử lý các trường hợp vi phạm quy định phòng chống dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh;

III. Nhận định tình hình dịch bệnh và Kiến nghị

1. Nhận định tình hình dịch bệnh

- Trong ngày ghi nhận 03 ca nhiễm tạo thành các ổ dịch nhỏ lẻ rải rác trong cộng đồng tại Biên Hòa (01), Vĩnh Cửu (01), Trảng Bom (01).
- Tiếp tục ghi nhận 186 ca trong khu phong tỏa, nhiều nhất tại Tân Hòa (52) – Biên Hòa; Hiệp Phước (21) – Nhơn Trạch; Sông Trầu (38), TT Trảng Bom (24), Hố Nai 3 (17) – Trảng Bom.
- Tỷ lệ bao phủ mũi 1 vắc xin cho người trưởng thành trên địa bàn tỉnh đạt 86,17%, mũi 2 là 8,89%.

IV. Kiến nghị

- Các sở, ngành, địa phương tăng cường triển khai thực hiện Kế hoạch số 11805/KH-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2021 về việc Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác phòng, chống dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh.
- Đẩy nhanh tiến độ tiêm chủng nhằm sớm nhất đạt mục tiêu 100% người dân toàn tỉnh được tiêm ít nhất 1 liều vắc xin.
- Các địa phương nguy cơ cao, rất cao tiếp tục xây dựng triển khai xét nghiệm thần tốc bóc tách triệt để nguồn lây tại các điểm nguy cơ đã được khoanh vùng sau Kế hoạch xét nghiệm thần tốc 11456/UBND-KGVX ngày 21/9/2021 của UBND tỉnh.
- Theo dõi sát tình hình địa bệnh trên địa bàn, thường xuyên tổ chức đánh giá chính xác mức độ nguy cơ để thu hẹp tối đa vùng phong tỏa, triển khai áp dụng các biện pháp phòng chống dịch phù hợp, kịp thời.
- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc lây nhiễm chéo tại các khu cách ly tập trung, bệnh viện.
- Theo dõi sức khỏe tại địa phương đối với các trường hợp có lịch sử di chuyển đi khám, chữa bệnh tại các bệnh viện về.
- Tăng cường xét nghiệm, tầm soát, kiểm soát chặt nguồn lây từ bên ngoài ở các công ty thực hiện 3T.

- Thực hiện Công văn số 11959/UBND-KGVX ngày 30/9/2021 về việc tiếp tục thực hiện các biện pháp để từng bước phục hồi hoạt động KTXH đảm bảo công tác phòng, chống dịch trong tình hình mới và Kế hoạch số 11102/KH-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2021 của UBND tỉnh về việc Từng bước phục hồi các hoạt động kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng, đảm bảo công tác phòng, chống dịch COVID-19 tại tỉnh Đồng Nai trong tình hình mới.

Trên đây là báo cáo nhanh công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai./.

Nơi nhận:

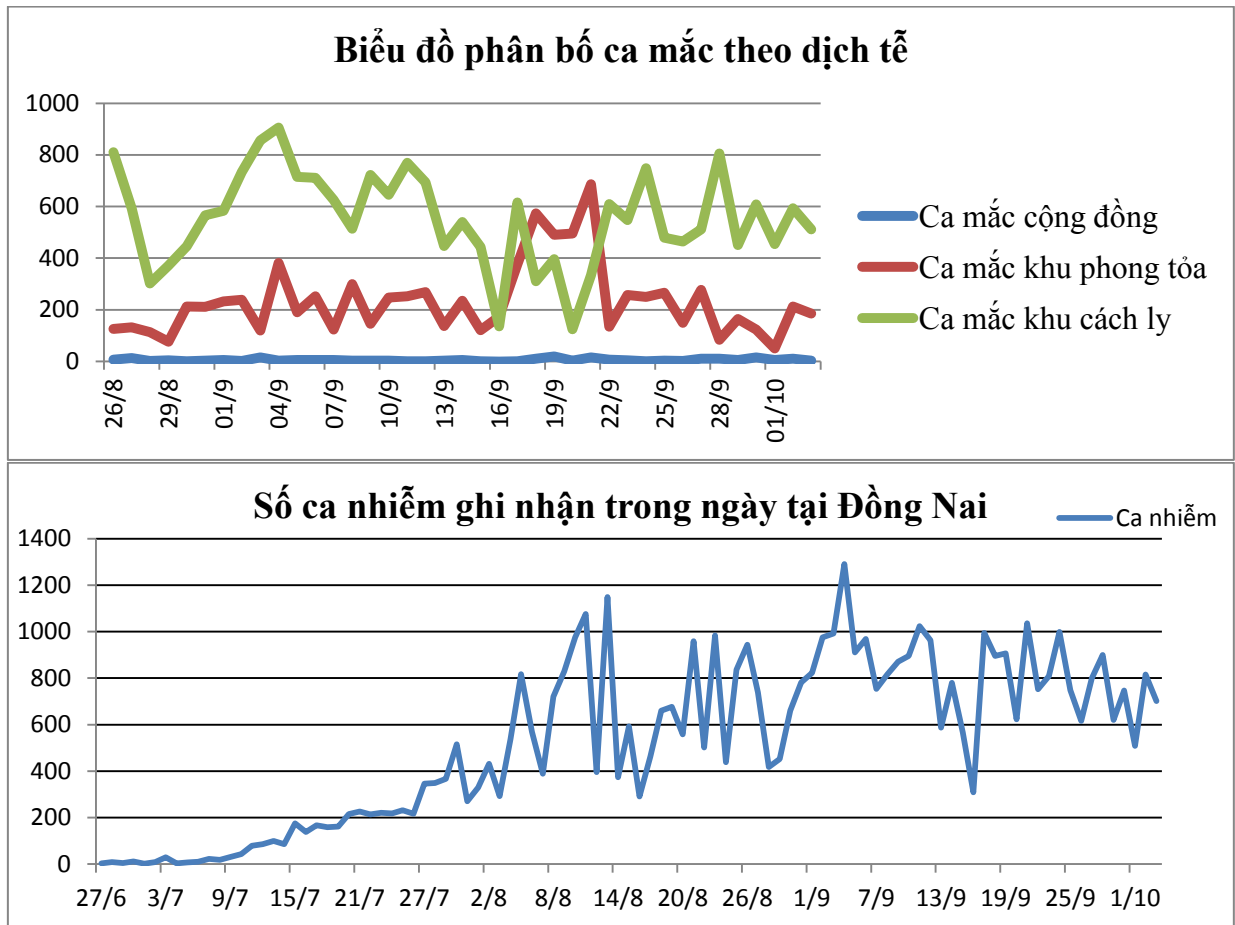
- Bộ Y tế;
- TU, UBND Tỉnh;
- BCĐ tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Website SYT;
- Lưu VT, NV.

**KT. CHỈ HUY TRƯỞNG
PHÓ CHỈ HUY TRƯỞNG**

**GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ
Phan Huy Anh Vũ**

Phụ lục 1: Số ca mắc từ ngày 27/4 đến nay (đợt dịch thứ 4)

STT	Xã/phường	Trong ngày					Lũy kế
		Số ca nhiễm mới	Tăng/giảm	Cộng đồng	CLTT	Khu phong tỏa	
1	Biên Hòa	286	-6,2%	1	217	68	21.327
2	Nhon Trạch	197	-27,8%	0	175	22	12.647
3	Vĩnh Cửu	22	-86,7%	1	18	3	9.824
4	Trảng Bom	152	334,3%	1	60	91	4.475
5	Long Thành	22	144,4%	0	20	2	1.036
6	Thống Nhất	4	-60,0%	0	4	0	543
7	Long Khánh	0	-	0	0	0	335
8	Xuân Lộc	2	100,0%	0	2	0	316
9	Định Quán	0	-	0	0	0	253
10	Cẩm Mỹ	11	83,3%	0	11	0	230
11	Tân Phú	5	-58,3%	0	5	0	56
12	Ngoại tỉnh, khác	0	-	0	0	0	333
Tổng cộng		701	-14,1	3	512	186	51.375



Phụ lục 2: Theo dõi ca nhiễm trong ngày

STT	Huyện	Trong ngày (ca trong nước)							
		Tổng số Ca Mắc mới trong ngày	Sàng lọc tại cơ sở y tế	Số ca trong Khu Cách Ly	Số ca trong Khu Phong Tỏa	Sàng lọc cộng đồng			Số ca Chưa rõ nguồn lây
						Tổng	Trong đó		
							Cộng Đồng	Khu nhà trọ	
NGUY CƠ RẤT CAO (VÙNG ĐỎ) (16)									
1	Biên Hòa	165	0	105	60	0			
1.1	Bửu Hòa	9		9					
1.2	Hố Nai	8		5	3				
1.3	Long Bình	49		49					
1.4	Long Bình Tân	10		8	2				
1.5	Quang Vinh	10		7	3				
1.6	Tam Phước	5		5					
1.7	Tân Hòa	67		15	52				
1.8	Tân Vạn	3		3					
1.9	Trảng Dài	4		4					
2	Nhơn Trạch	158	0	137	21	0			
2.1	Hiệp Phước	84		63	21				
2.2	Phước Thiện	74		74					
3	Tân Phú	5	0	5	0	0	0		
3.1	Phú Lâm	5		5					
4	Trảng Bom	93	0	38	55	0			
4.1	Hố Nai 3	33		16	17				
4.2	Sông Trầu	60		22	38				
5	Vĩnh Cửu	21	0	18	3	0			
5.1	Thanh Phú	21		18	3				

5.2	Thiện Tân	0							
NGUY CƠ CAO (VÙNG CAM) (19)									
1	Biên Hòa	75	0	73	2	0			
1.1	An Bình	61		60	1				
1.2	Hóa An	1		1					
1.3	Tam Hiệp	7		7					
1.4	Tam Hòa	0							
1.5	Tân Biên	4		3	1				
1.6	Tân Mai	2		2					
2	Long Thành	7	0	5	2	0			
2.1	An Phước	6		5	1				
2.2	Tam An	0							
2.3	TT Long Thành	1			1				
3	Nhơn Trạch	4	0	3	1	0			
3.1	Đại Phước	3		2	1				
3.2	Phú Hội	1		1					
4	Tân Phú								
4.1	Phú Thanh								
5	Trảng Bom	23	0	14	9	0			
5.1	Bắc Sơn	22		13	9				
5.2	Bình Minh	1		1					
5.3	Thanh Bình	0							
6	Vĩnh Cửu	1	1	0	0	0			
6.1	Phú Lý	0							
6.2	TT Vĩnh An	0							
6.3	Vĩnh Tân	1	1						
7	Xuân Lộc	2	0	2	0	0			
7.1	Xuân Hòa	2		2					
NGUY CƠ (VÙNG VÀNG) (21)									

1	Biên Hòa	41	1	34	6	0			
1.1	<i>Bình Đa</i>	13		13					
1.2	<i>Bửu Long</i>	1	1						
1.3	<i>Hiệp Hòa</i>	0							
1.4	<i>Phước Tân</i>	5		5					
1.5	<i>Quyết Thắng</i>	1		1					
1.6	<i>Tân Hiệp</i>	7		7					
1.7	<i>Tân Phong</i>	12		6	6				
1.8	<i>Thống Nhất</i>	1		1					
1.9	<i>Trung Dũng</i>	1		1					
2	Cẩm Mỹ	2	0	2	0	0			
2.1	<i>Xuân Tây</i>	2		2					
3	Long Khánh	0	0	0	0	0			
3.1	<i>Xuân Tân</i>	0							
4	Long Thành	2	0	2	0	0			
4.1	<i>Bình Sơn</i>	0							
4.2	<i>Long An</i>	0							
4.3	<i>Phước Thái</i>	2		2					
5	Nhơn Trạch	12	0	12	0	0			
5.1	<i>Phú Đông</i>	1		1					
5.2	<i>Phú Hữu</i>	11		11					
6	Thống Nhất	0	0	0	0	0			
6.1	<i>TT Dầu Giây</i>	0							
7	Trảng Bom	29	0	5	24	0			
7.1	<i>Giang Điền</i>	1		1					
7.2	<i>Trung Hòa</i>	0							
7.3	<i>TT Trảng Bom</i>	28		4	24				
8	Vĩnh Cửu	0	0	0	0	0			
8.1	<i>Tân An</i>	0							

BÌNH THƯỜNG MỚI (VÙNG XANH) (114)									
1	Biên Hòa (06)								
1.1	<i>Tân Hạnh</i>			1					
1.2	<i>Thanh Bình</i>			2					
2	Cẩm Mỹ (12)								
2.1	<i>Sông Ray</i>			1					
2.2	<i>Xuân Bảo</i>			1					
2.3	<i>Xuân Đông</i>			7					
3	Định Quán (14)								
4	Long Khánh (14)								
5	Long Thành (08)								
5.1	<i>Bàu Cạn</i>			3					
5.2	<i>Phước Bình</i>			7					
6	Nhơn Trạch (06)								
6.1	<i>Long Thọ</i>			12					
6.2	<i>Phước An</i>			2					
6.3	<i>Vĩnh Thanh</i>			9					
7	Tân Phú (16)								
8	Thống Nhất (09)								
8.1	<i>Gia Kiệm</i>			1					
8.2	<i>Gia Tân 3</i>			1					
8.3	<i>Hưng Lộc</i>			2					
9	Trảng Bom (09)								
9.1	<i>Bàu Hàm</i>			3					
9.2	<i>Quảng Tiến</i>		1		2				
9.3	<i>Tây Hòa</i>				1				
10	Vĩnh Cửu (06)								
11	Xuân Lộc (14)								

Phụ lục 3: Ca bệnh tử vong do COVID-19 mới ghi nhận

S T T	Họ Tên	Năm sinh		Nơi ghi nhận	Địa chỉ	Ngày tử vong	Nguyên nhân tử vong
		Nam	Nữ				
01	N.T.L		1968	BVDN	Phú Hội - Nhơn Trạch	03/10/2021	Tử vong do Ngưng tuần hoàn, suy hô hấp -Viêm phổi mức Nhiễm SARS-CoV-2 mức độ nguy kịch/ Viêm phổi nặng tổn thương thận cấp, tăng Kali máu/ Giảm TC, Giảm Albumin máu

Phụ lục 4: Tiến độ tiêm ngừa vắc xin COVID-19 trên địa bàn tỉnh

	Tổng tiêm	Mũi 1	Mũi 2	PU' nhẹ	PU' nặng	Số liều KH	Thực nhận	Tỉ lệ hoàn thành
Đợt 1	20.376	20.376	0	7.407	4	17.450	17.450	116,77%
Đợt 2	35.525	35.271	254	8.152	8	28.980	28.980	122,58%
Đợt 3	24.918	5.793	19.125	1.548	4	21.000	21.000	118,66%
Đợt 4	342.314	298.405	43.909	1.901	8	316.160	316.160	108,27%
Đợt 5	173.050	146.522	26.528	2.188	0	157.000	157.000	110,22%
Đợt 6	279.507	276.914	2.593	9	0	265.210	265.210	105,39%
Đợt 7	675.275	673.995	1.280	6.781	0	686.590	686.590	98,35%
Đợt 8	315.311	301.500	13.811	428	0	307.250	307.250	102,62%
Đợt 9	15.469	15.014	455	0	0	312.500	312.500	4,95%
Đợt 10	103.338	13.439	89.899	96	0	170.760	170.760	60,52%
Đợt 11	152.689	152.607	82	0	0	207.340	207.340	73,64%
Đợt 12	0	0	0	0	0	500.000	500.000	0,00%
Khác	4.900	2.450	2.450	0	0	4.900	4.900	100,00%
Tổng cộng	2.142.672	1.942.286	200.386	28.510	24	2.995.140	2.995.140	71,54%

Phụ lục 5: Tình hình điều trị F0 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

TT	Cơ sở	Giường kế hoạch COVID	Giường thực kê COVID (con số chính xác)	Số CA + mới trong ngày (24h)	Xuất viện trong ngày (24h)	Chuyển viện trong ngày	Tử vong trong ngày (24h)	Số ca đang điều trị	Cộng dồn			Số ca đang điều trị, trong đó						Phụ nữ có thai	BN < 18 tuổi	< 65 tuổi và không có bệnh lý nền	> 65 tuổi và có bệnh lý nền	Khả năng còn tiếp nhận
									Chuyển viện	Tử vong	Xuất viện	HFNC	Thở máy		Thở oxy	Có triệu chứng (ho, sốt, đau họng...)	Không triệu chứng					
													Không xâm lấn (CPAP)	Xâm lấn								
TẦNG 3																						
1	BVĐN/ HSTC	40	40	2	0	0	2	23		151		1		17	5							17
2	BVTN/TTHSTC	400	200	3	2	6	1	98	155	206	34	15	7	17	27			3	2	70	28	102
3	BVĐKKVLK/HSTC	100	40	1	0	0	0	16	56	36	27	1	0	2	13	0	0	0	1	6	3	24
4	BVĐKKVLT	100	100	1	0	2	0	13	67	33	0	0	0	0	13	0	0	0	0	13	0	87
5	BV Nhi ĐN	20	10					0		1												
6	BV Định Quán	60	11	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	11
7	BV Phôi																					
8	BV QTCTCH SG-ĐN																					
9	BV Đồng Nai 2	10	2	0	0	0	0	2	116	0	245	2	0	0	0	2	0	0	0	2	0	8
Tổng cộng (tầng 3)		730	403	7	2	8	3	152	395	427	306	19	7	36	58	2	0	3	3	91	31	249
TẦNG 2																						
1	Bệnh viện dã chiến số 1	350	285	45	30	0	0	187	23	2	1216	2	0	0	3	83	101	5	46	133	3	98
2	Bệnh viện dã chiến số 2	350	370	37	0	0	0	318	90	0	1168	0	0	0	4	150	70	8	75	156	17	30
3	Bệnh viện dã chiến số 3	550	500	28	55	0	0	391	69	0	1967	0	0	0	17	92	10	14	128	381	93	109
4	Bệnh viện dã chiến số 4	360	345	45	89	0	0	308	62	0	1560	0	0	0	4	59	249	1	90	283	6	37
5	Bệnh viện dã chiến số 5	300	316	1	0	1	0	194	34	0	1035	0	0	0	7	18	169	2	58	192	2	
6	Bệnh viện dã chiến số 6	1200	1090	11	57	0	0	629	104	0	4378	0	0	0	15	199	415	15	156	525	25	381
7	Bệnh viện dã chiến số 7	730	700	95	97	0	0	651	127	1	3129	0	0	0	14	250	387	10	215		43	49
8	Bệnh viện dã chiến số 8	650	635	32	145	1	0	555	39	0	1607	0	0	0	17	174	364	4	135	409	11	80
9	Bệnh viện dã chiến số 9	1000	662	54	110	0	0	424	23	0	1573	0	0	0	4	285	135	2	134	392	1	238
10	Bệnh viện dã chiến số 10	850	807	92	37	0	0	683	62	0	2282	0	0	0	26	215	468	4	163	506	14	87
11	Bệnh viện dã chiến số 11	3000	2590	1	0	0	0	229	5	0	75	0	0	0	2	174	55	1	21	212	2	100

12	Bệnh viện Da liễu	150	150	0	5	0	0	108	23	0	530	0	0	0	0	28	80	0	6	85	0	15
13	Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai	150	74	6	7	2	0	55	102	14	242	0	0	0	30	42	10	2	0	10	18	19
14	Bệnh viện Nhi đồng	110	60	3	3	5	0	58							1	33	24		31	26	1	0
15	Bệnh viện ĐKKV Long Thành	150	150	0	5	0	0	26	0	0	159	0	0	0	4	16	6	0	0	21	5	124
16	Bệnh viện ĐKKV Định Quán	60	30	0	0	0	0	0	4	0	19	1	0	0	1	2	2	0	0	2	1	26
17	Bệnh viện Phổi	60	11	0	0	0	0	2	0	5	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	
18	Bệnh viện Đồng Nai 2	40	40	5	16	3	0	75	116	0	245	2	0	0	2	56	19	3	8	39	25	0
19	Bệnh viện ĐH Y Dược Shing Mark	35	35	4	10			27	119	0	116	0			1	20	6	0	3	10	0	8
20	Trung tâm Y tế Vĩnh Cửu	20	65	24	0	2	0	59	27	1	128	0	0	0	3	46	10	1	16	39	3	6
21	Khoa Nhiệt đới BVTN	13	17		0	0	0	13	17	0	38	0	0	0	5	11	2	0	1	5	3	4
22	Bệnh viện Tâm thần TW 2	400	200	0	0		0	311							6	61	244				12	
23	Bệnh viện dã chiến CA tỉnh																					
Tổng cộng (tầng 2)		10528	9132	483	666	14	0	5303	1046	23	21467	5	0	0	166	2016	2826	72	1286	3426	285	3829
TẦNG 1																						
1	Biên Hòa	4459	3489	246	80	37	0	3230	936	12	4906	0	0	0	16	874	2378	13	895	2952	65	569
2	Long Khánh	432	432	0	0	0	0	5	0	0	89	0	0	0	0	0	5	0	0	5	0	427
3	Vĩnh Cửu	3837	3769	43	18	23	0	624	1372	3	6077	0	0	0	0	52	572	5	173	487	7	2750
4	Định Quán	100	89	1	0	0	0	2	42	0	78	0	0	0	0	2	0	1	0	2	0	
5	Tân Phú	60	60	7	0	0	0	24	0	0	4		0	0	0	0	24	0	7	15	1	36
6	Trảng Bom	876	876	68	88	1	0	511	1295	2	1859	0	0	0	0	27	484	4	183	323	4	227
7	Thống Nhất	130	140	1	0	0	0	12	79	0	10	0	0	0	0	0	12	0	2	12	0	120
8	Xuân Lộc																					
9	Cẩm Mỹ	500	200	7	0	0	0	40	2	0	30	0	0	0	0	18	22	0	8	29	0	160
10	Long Thành	250	250	6	20	5	0	134	40	0	731	0	0	0	0	0	134	1	46	84	3	116
11	Nhơn Trạch	3230	3010	246	14	126	0	1681	0	21	3222	0	0	0	25	450	1206	30	461	1196	24	1329
TỔNG CỘNG (Tầng 1)		13874	12315	625	220	192	0	6263	3766	38	17006	0	0	0	41	1423	4837	54	1775	5105	104	6052
TỔNG TẦNG (3+2+1)		25132	21850	1115	888	214	3	11718	5207	488	38779	24	7	36	265	3441	7663	129	3064	8622	420	10130